



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH HÀ NAM**
THÁNG 12 NĂM 2024

HÀ NỘI, THÁNG 12/2024

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vtctcbdttn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU.....	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất	5
2.1.1. Mực nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	8
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất	9
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)	9
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....	11
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	12
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	12

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hà Nam được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Hà Nam là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 855,2 km². Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hà Nam gồm 2 tầng chứa nước chính: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 256.535 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 18.855m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm:

- Thông báo mực nước dưới đất tháng 11, chất lượng nước mùa mưa năm 2024 và dự báo mực nước dưới đất tháng 12/2024 và tháng 1/2025 tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 20 trên tổng số 21 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: dttnnmdat@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafogov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng trước có xu thế hạ tại lớp chứa nước qh₂, qh₁, qp₁, xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qp₂. Chất lượng nước trong các tầng chứa nước trong khu vực khá tốt. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mangan, Asen, Chì, E.Coli, Coliform và Amôni vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT).

Dự báo mực nước dưới đất tháng 12 so với mực nước thực đo tháng 11 có xu thế tại lớp chứa nước qh₂, qh₁, qp₁, xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qp₂.

Trong khu vực tỉnh Hà Nam, thời điểm hiện tại chưa có công trình có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

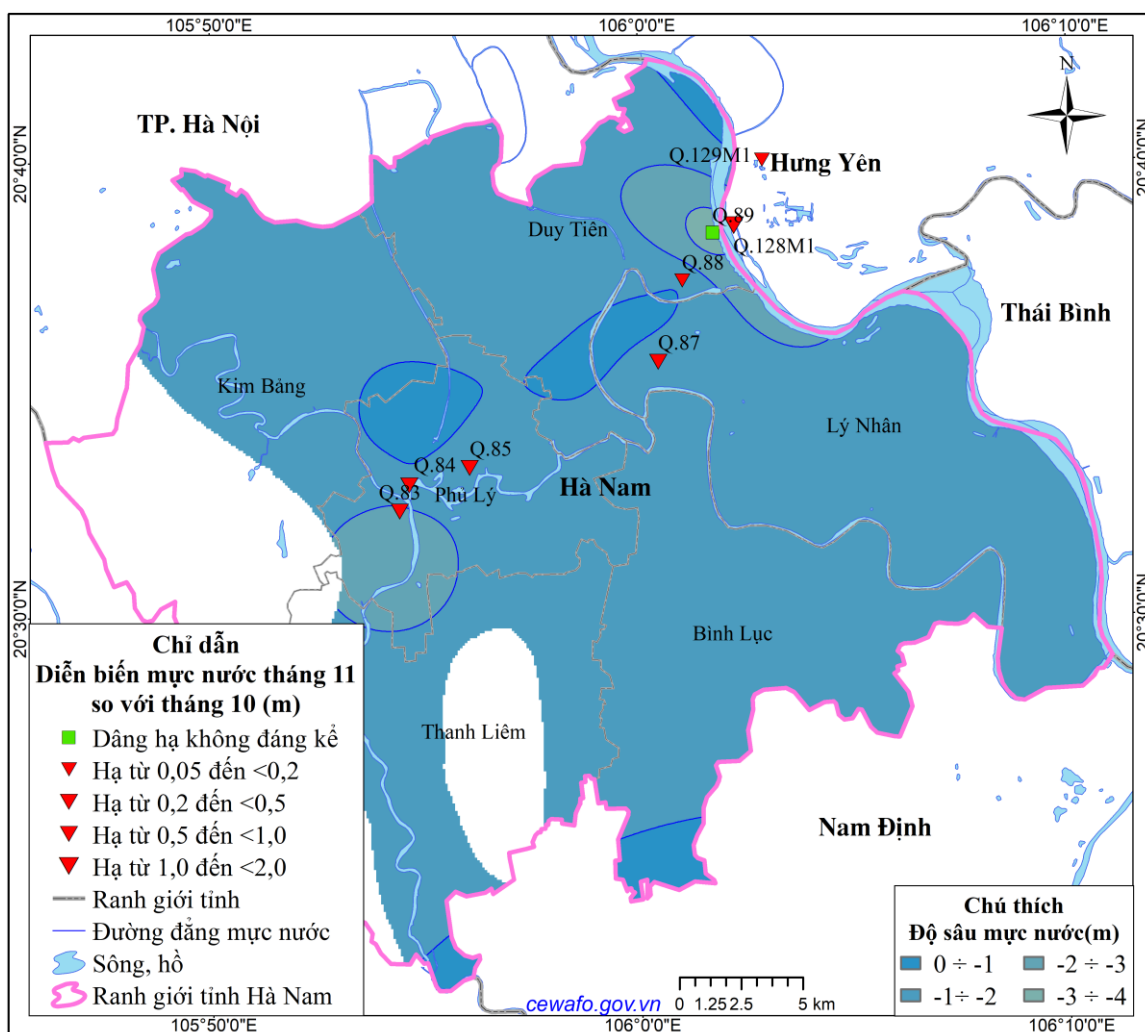
2.1.1. Mục nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,65m tại xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên (Q.89).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,42m tại P. Quang Trung, TP. Phủ Lý (Q.84) và sâu nhất là -4,25m tại xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên (Q.89).

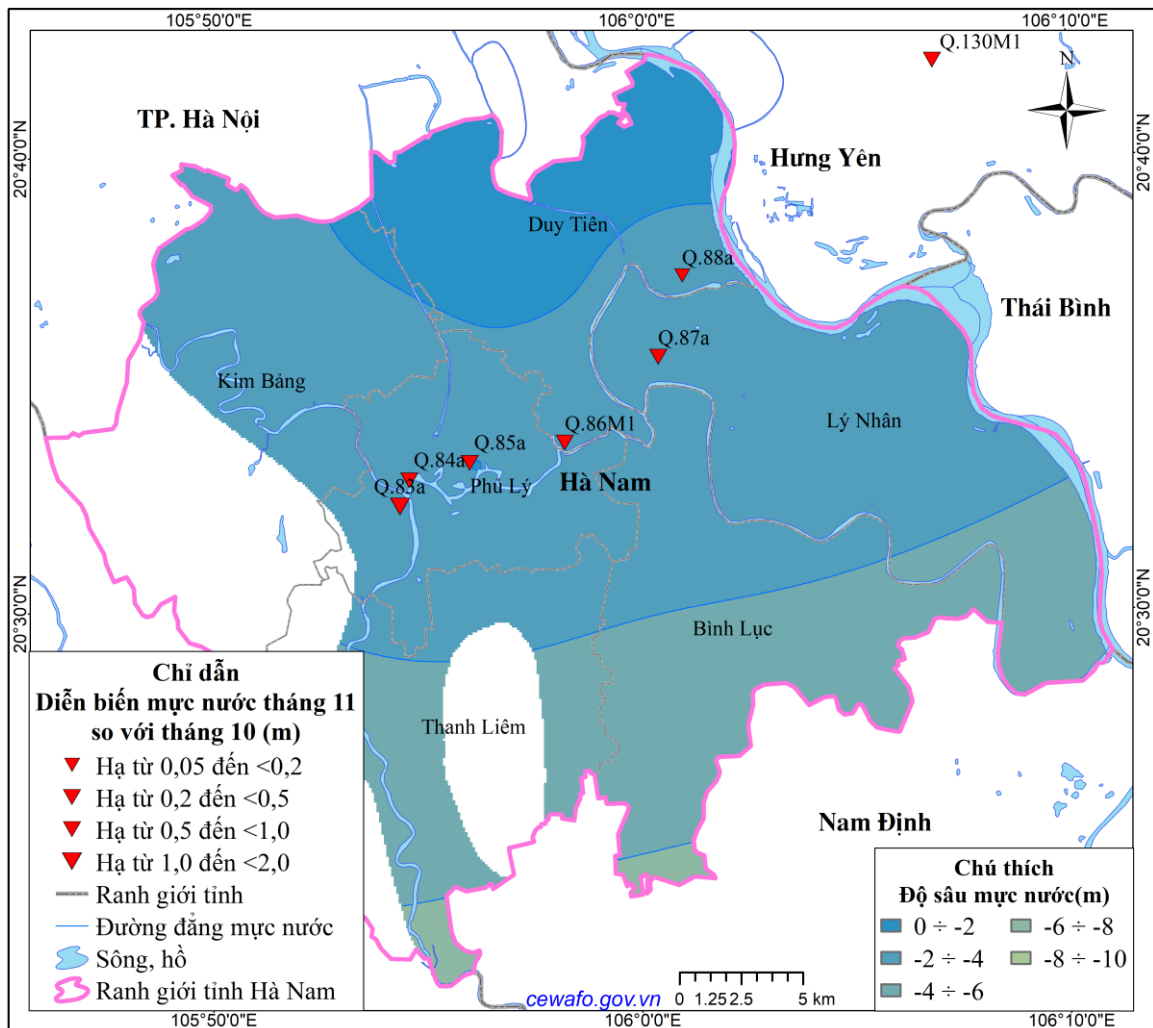


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 lớp qh₂

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,65m tại xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên (Q.88a).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,85m tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân (Q.87a) và sâu nhất là -2,79m tại P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý (Q.83a).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 lớp q_1

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

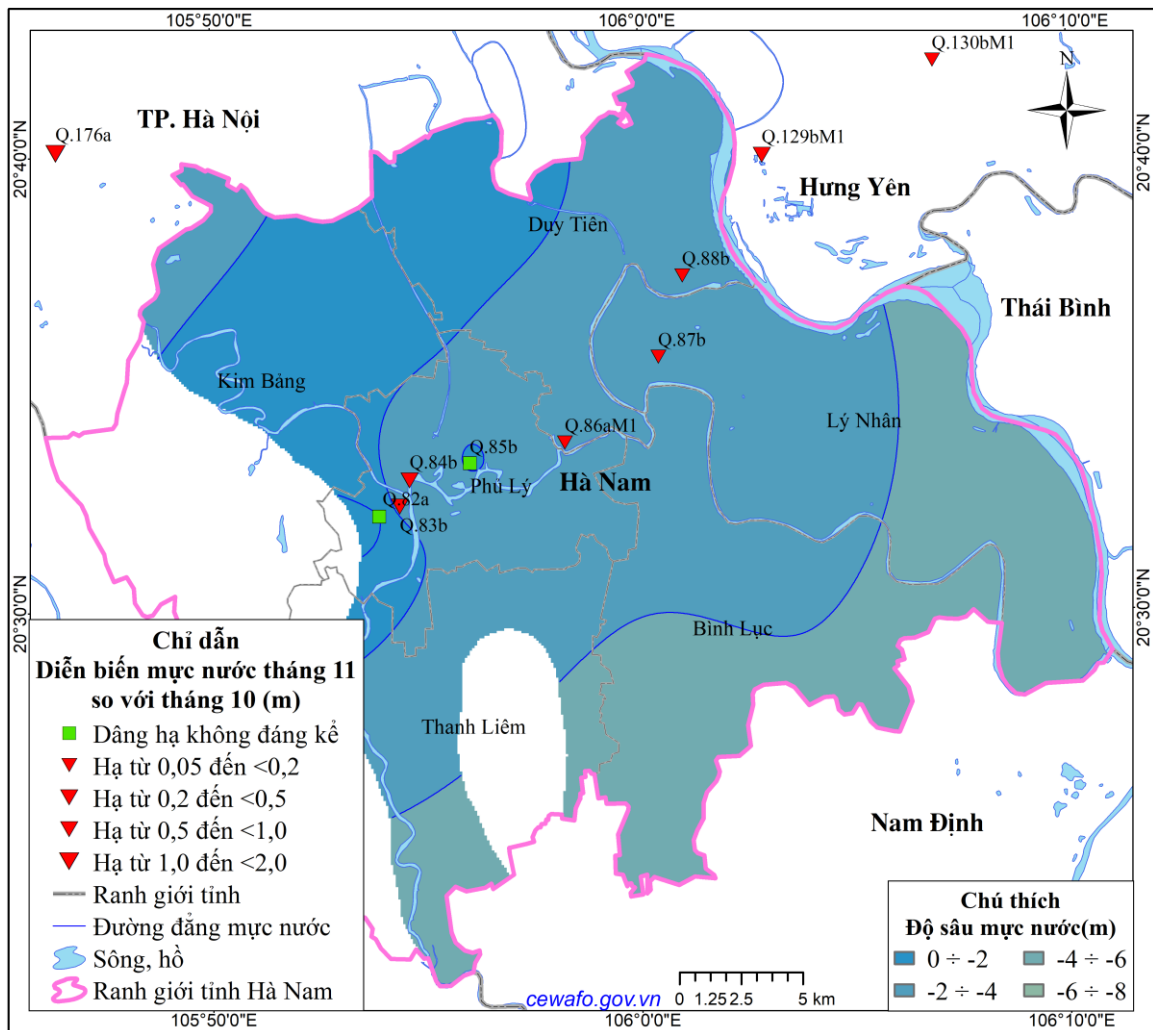
a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

Theo kết quả quan trắc tại P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (Q.82M1). Mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10.

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,41m tại P. Quang Trung, TP. Phủ Lý (Q.84b).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,13m tại P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý (Q.82a) và sâu nhất là -3,74m tại xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên (Q.86aM1).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 lớp q₁

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)					
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene thượng (qh₂)					
1	Q.83	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-2,59	-2,79	-2,67
2	Q.84	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-1,36	-1,48	-1,42
3	Q.85	xã Lam Hạ, TP. Phủ Lý	-1,71	-1,98	-1,80
4	Q.87	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-1,43	-1,83	-1,62
5	Q.88	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-1,35	-1,95	-1,65
6	Q.89	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-3,73	-4,66	-4,25
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene hạ (qh₁)					
1	Q.83a	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-2,69	-2,95	-2,79
2	Q.84a	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-1,66	-2,57	-2,17
3	Q.85a	xã Lam Hạ, TP. Phủ Lý	-2,03	-2,18	-2,09
4	Q.87a	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-1,67	-2,03	-1,85
5	Q.88a	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-1,53	-2,40	-2,01
6	Q.86M1	xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên	-2,40	-2,57	-2,47
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)					

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene thượng (qp₂)					
1	Q.82M1	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-0,17	-0,18	-0,17
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene hạ (qp₁)					
1	Q.82a	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-0,12	-0,14	-0,13
2	Q.83b	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-2,66	-2,81	-2,73
3	Q.84b	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-3,41	-3,67	-3,53
4	Q.85b	xã Lam Hạ, TP. Phủ Lý	-2,05	-2,27	-2,15
5	Q.87b	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-2,50	-2,75	-2,63
6	Q.88b	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-2,66	-2,72	-2,69
7	Q.86aM1	xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên	-3,67	-3,82	-3,74

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene thượng (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số chỉ tiêu vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (2/3 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.84 (phường Quang Trung, TP Phủ Lý); chỉ tiêu Chì (2/3 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.84 (phường Quang Trung, TP Phủ Lý);

- Chỉ tiêu Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 3/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.88 (xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên).

Các chỉ tiêu đánh giá theo Dự án Môi trường nước dưới đất: Theo kết quả phân tích quý I năm 2024 theo 2/6 công trình có hàm lượng Coliform vượt GTGH tại công trình Q.88, Q.89 (xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene hạ (qh₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (3/6 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.84a (phường Quang Trung, TP Phủ Lý); chỉ tiêu Asen (3/6 công trình) vượt lớn

nhất tại công trình Q.87a (xã Chính Lý, huyện Lý Nhân); chỉ tiêu Chì (1/6 công trình) vượt tại công trình Q.86M1 (xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 5/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.85a (xã Lam Hạ, TP Phủ Lý).

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene thượng (qp₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2024 tại công trình Q.82a (phường Lê Hồng Phong - TP Phủ Lý) cho thấy nước thuộc loại nước mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT) như: Mangan, Chì, Amoni.

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene hạ (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 23/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.86aM1 (xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (3/6 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.84b (Phường Quang Trung, TP Phủ Lý) và Asen (3/6 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.86aM1 (xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên).

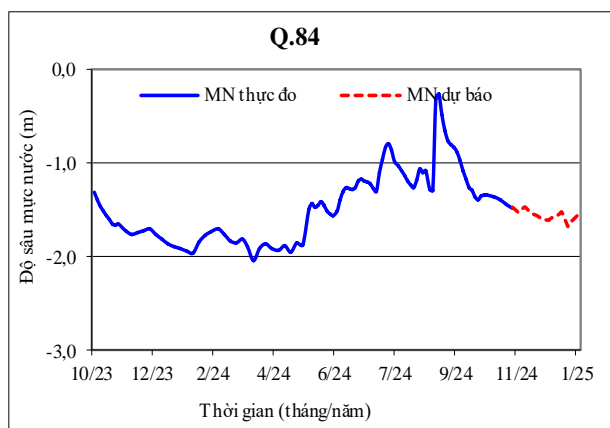
- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 6/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.86aM1 (xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên).

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

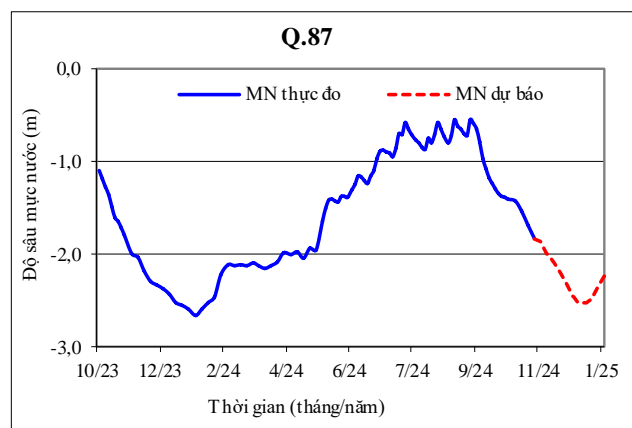
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

2.2.1.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

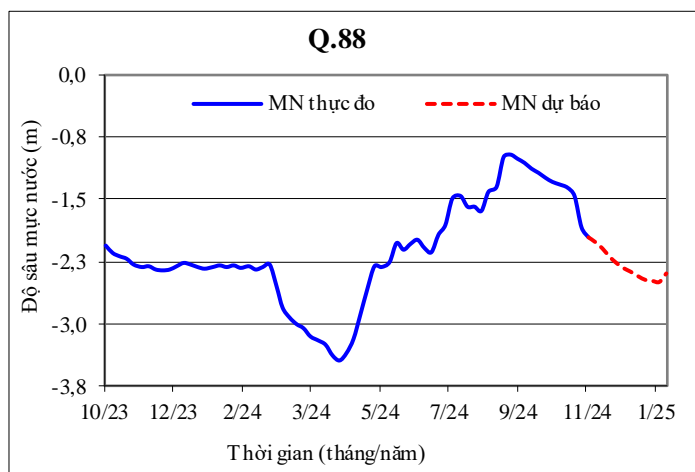
Trong tháng 12/2024 và tháng 1/2025 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước 0,3 - 0,6m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. Phường Quang Trung, TP. Phủ Lý (Q.84)



b. xã Chính Lý, huyện Lý Nhân (Q.87)

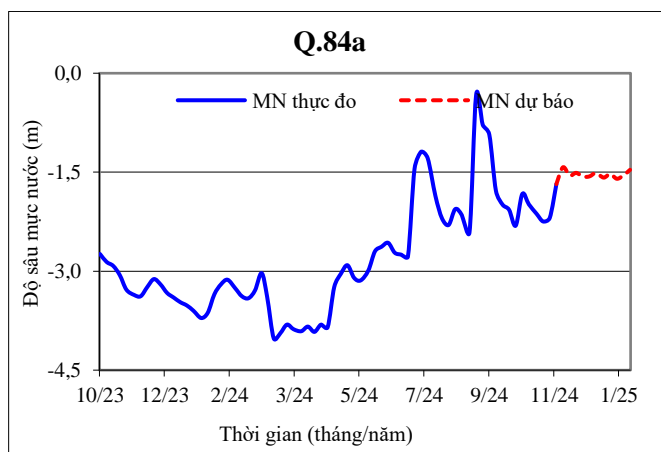


c. xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên (Q.88)

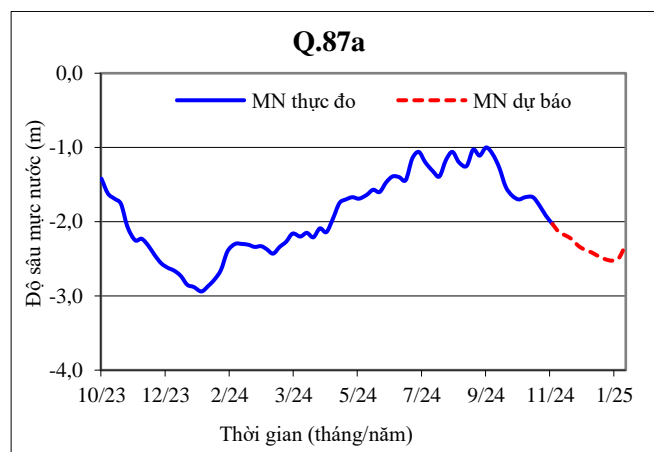
Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₂

2.2.1.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

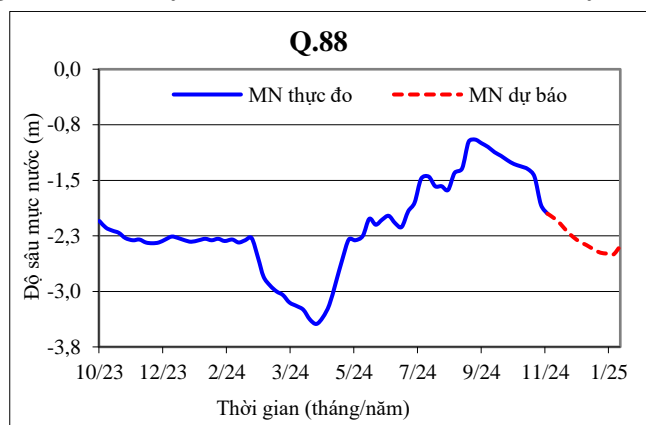
Trong tháng 12/2024 và tháng 1/2025 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước 0,3 - 0,6m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



a. Phường Quang Trung, TP. Phủ Lý (Q.84a)



b. xã Chính Lý, huyện Lý Nhân (Q.87a)



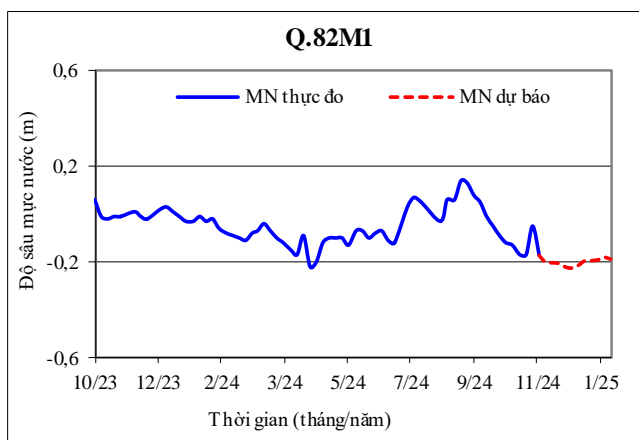
c. xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên (Q.88a)

Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₁

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

2.2.2.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)

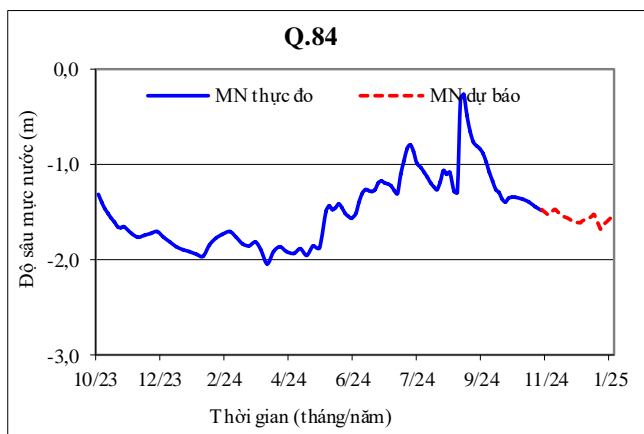
Trong tháng 12/2024 và tháng 1/2025 dự báo mực nước tại công trình Q.82M1 có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau.



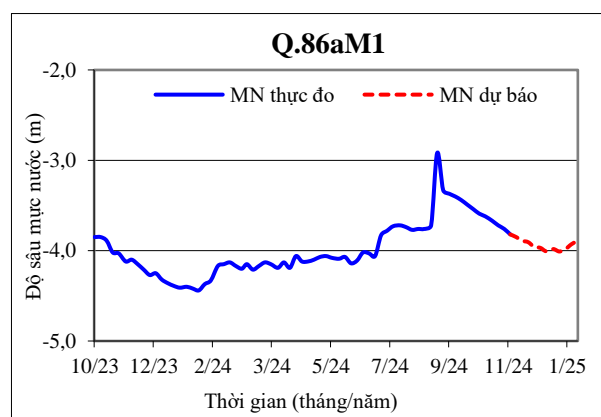
Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp₂

2.2.2.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

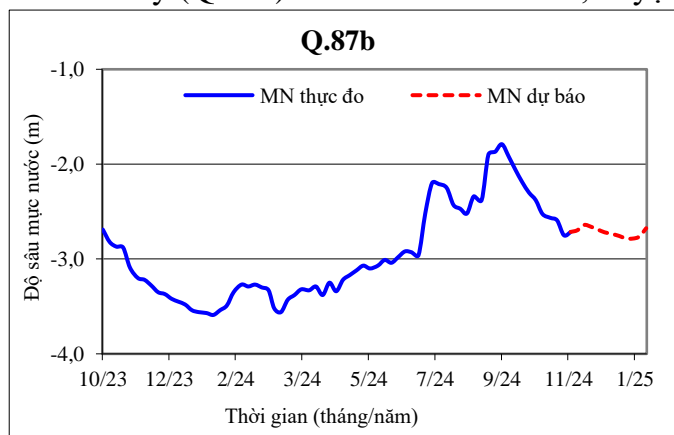
Trong tháng 12/2024 và tháng 1/2025 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2-0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



a. P. Quang Trung, TP. Phủ Lý (Q.84b)



b. xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên (Q.86aM1)



c. xã Chính Lý, huyện Lý Nhân (Q.87b)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp₁

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)						
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene thượng (qh₂)						
1	Q.84	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-1,48	-1,61	-1,55	30/12/2024
2	Q.87	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-1,90	-2,42	-2,15	30/12/2024
3	Q.88	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-2,09	-2,33	-2,22	24/12/2024
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene hạ (qh₁)						
1	Q.84a	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-1,51	-1,57	-1,55	18/12/2024
2	Q.87a	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-2,19	-2,38	-2,28	24/12/2024
3	Q.88a	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên	-2,56	-2,79	-2,69	24/12/2024
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)						
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene thượng (qp₂)						
1	Q.82M1	P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý	-0,20	-0,23	-0,21	24/12/2024
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene hạ (qp₁)						
1	Q.84b	P. Quang Trung, TP. Phủ Lý	-3,66	-3,76	-3,71	24/12/2024
2	Q.87b	xã Chính Lý, huyện Lý Nhân	-2,64	-2,72	-2,68	24/12/2024
3	Q.86aM1	xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên	-3,70	-4,22	-3,96	29/12/2024

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tỉnh Hà Nam thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Hà Nam chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Nhìn chung chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc tỉnh Hà Nam đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mangan, Asen, Chì, Coliform và Amôni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO ₂ ⁻ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F ⁻)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN ⁻)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C ₁₄ H ₉ Cl ₅)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C ₁₀ H ₁₄ NO ₅ PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện